TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đ ộc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 06-4-2022
"Về việc kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Tuyết
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Quang Vinh
2. Bà Hoàng Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh L *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Hiền Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST - DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc "*Kiện đòi tài sản*" theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lò Thị H, sinh năm 1965
Địa chỉ: bản Pa P, đội 18, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ. (Có mặt).

Bị đơn: Bà Ma Thị H1, sinh năm 1971
Địa chỉ: Tổ 9, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nông Văn C, sinh năm 1965; Địa chỉ: bản Pa P , đội 18, xã T , huyện Đ , tỉnh Đ. *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nông Văn C*: Bà Lò Thị H - sinh năm 1965; Địa chỉ: bản Pa P, đội 18, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ. (Có mặt) .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà của bà Lò Thị H là nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng, bà Ma Thị H1 là chị họ của bà Lò Thị H và ông Nông Văn C, nên ngày 20/9/2017 bà H có giao cho bà Ma Thị H1 số tiền 80.000.000 đồng và đến ngày 07/10/2017 giao tiếp số tiền 170.000.000 đồng để bà H1 liên hệ tìm việc làm cho con trai bà H và ông C. Khi giao tiền bà H1 có viết giấy nhận tiền cả hai lần trên cùng một tờ giấy viết tay có chữ ký người nhận là Ma Thị H1 và người giao tiền là Lò Thị H. Tuy nhiên sau khi nhận tiền không thấy con trai được đi làm nên bà H, ông C đã nhiều lần tìm gặp bà H1 yêu cầu trả

lại tiền nhưng bà H1 không trả. Sau nhiều lần đòi thì đến ngày 22/10/2018 bà H1 mới trả được 3.000.000 đồng. Ngày 27/7/2021 bà Lò Thị H khởi kiện buộc bà Ma Thị H1 trả lại cho gia đình bà số tiền gốc là 247.000.000 đồng, và tiền lãi tạm tính từ tháng 7/2017 đến tháng 7/2021 (lãi suất 11,5%/năm) là 108.885.818 đồng.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Ma Thị H1 trình bày: Việc giao nhận tiền đúng như lời bà Lò Thị H trình bày. Sau khi nhận số tiền đó bà đã giao tiền cho người khác, chỉ biết người này làm nghề tự do, cũng hay giúp người khác xin việc nên bà tin tưởng khi giao tiền cho người đó và không làm văn bản giấy tờ gì. Bà nhận trách nhiệm sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên cho gia đình bà Lò Thị H, đến 22/10/2018 mới trả được số tiền là 3.000.000 đồng.

Nay bà Lò Thị H khởi kiện bà Ma Thị H1 nhất trí trả nợ, nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, đang nợ nần nhiều nên chưa có điều kiện để trả nợ cho bà Lò Thị H và ông Nông Văn C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nông Văn C trình bày: Ông đồng ý kiến với nguyên đơn, số tiền giao cho bà Ma Thị H1 là tiền của hai vợ chồng vay mượn để xin việc cho con trai nhưng không được, đến nay bà H1 vẫn chưa trả lại tiền. Hiện nay do sức khỏe không tốt, đi lại khó khăn nên ông ủy quyền toàn bộ cho vợ là bà Lò Thị H trực tiếp giải quyết vụ việc đối với bà Ma Thị H1.

Quá trình giải quyết vụ án, do thấy bà Ma Thị H1 cũng khó khăn nên này 18/8/2021 bà Lò Thị H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phát sinh là 108.885.818 đồng. Đến ngày 21/10/2021 bà Ma Thị H1 trả được thêm số tiền 15.000.000 đồng nên tại phiên tòa bà Lò Thị H yêu cầu bà Ma Thị H1 phải trả số tiền còn lại là: 232.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, khoản 2 Điều 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 105, 115, 158, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu của bà Lò Thị H về việc buộc chị Ma Thị H1 phải trả cho bà H số tiền gốc là 232.000.000 đồng và đình chỉ đối với phần yêu cầu của bà H về việc buộc bà H1 phải trả số tiền lãi là 108.885.818 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được Tòa án hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí; Ghi nhận và giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Lò Thị H và ông Nông Văn C khởi kiện yêu cầu bà Ma Thị H1 trả lại tiền cho ông bà theo giấy giao nhận tiền ngày 20/9/2017 và ngày 07/10/2017. Bà Ma Thị H1 là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tổ 9, phường Tân Phong, thành phố L, tỉnh L, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận: Trong các ngày 20/9/2017 và ngày 07/10/2017, nguyên đơn là bà Lò Thị H thực hiện việc giao tổng số tiền 250.000.000 đồng cho bà Ma Thị H1 để nhờ bà H1 tìm việc làm cho con trai bà Lò Thị H và ông Nông Văn C. Do có quan hệ họ hàng với nhau nên việc giao nhận tiền giữa bà H và bà H1 chỉ có hai người biết và cũng chỉ viết giấy nhận tiền và cùng ký tên xác nhận. Lời khai của bà Lò Thị H và bà Ma Thị H1 là phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung trong Giấy nhận tiền do hai bên đã ký. Do đó, khẳng định việc bà Ma Thị H1 nhận số tiền 250.000.000 đồng từ bà Lò Thị H là có thật.

Do bà Ma Thị H1 không xin được việc cho con trai bà Lò Thị H và cũng không trả lại tiền nên nhiều lần gia đình bà H đến nhà đòi bà H1 phải trả tiền, thì đến ngày 22/10/2018 bà H1 đã trả được cho bà H 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Lò Thị H cung cấp thêm nội dung: ngày 21/10/2021 bà Ma Thị H1 đã tiếp tục trả thêm cho bà Lò Thị H được 15.000.000 đồng.

Vì vậy tại phiên tòa, bà Lò Thị H yêu cầu bà Ma Thị H1 thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn lại là 232.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 105, Điều 115, Điều 158, Điều 166 của Bộ luật dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị H đối với bà Ma Thị H1.

[3] Về lãi suất: trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/8/2021 bà Lò Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ ngày 08/10/2021, bà H thay đổi, rút một phần nội dung khởi kiện ban đầu đối với nội dung yêu cầu bà Ma Thị H1 phải trả số tiền lãi là 108.885.818 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu của bà H không vượt quá phạm vi khởi kiện nên căn cứ khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, điểm a khoản 2 Điều 210, Điều 244 BLTTDS, mục 7 phần IV Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lò Thị H và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trả lãi suất số tiền là 108.885.818 đồng.

[4]. Về án phí: Bà Lò Thị H được trả lại tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L; Bà Ma Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105, Điều 115, Điều 158, Điều 166 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị H:

- Buộc bà Ma Thị H1 phải trả số tiền 232.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn*) cho bà Lò Thị H và ông Nông Văn C.

- Đình chỉ xét xử phần yêu cầu trả lãi suất của bà Lò Thị H đối với số tiền 108.885.818 đồng *(Một trăm linh tám triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm mười tám đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chưa thi hành được thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ma Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: (232.000.000 đồng x 5%) = 11.600.000 đồng (*Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn*).

- Trả lại cho bà Lò Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.897.145 đồng (*Tám triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng*) theo biên lai số AA/2021/0000771 ngày 05/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND thành phố L;
- Các đương sự;
- Chi cục THA thành phố L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tòng Thị Tuyết